

Số: /TB-SNNMT

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN**

1. Tài sản đấu giá: Quyền khai thác khoáng sản tại 14 khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản theo Thông báo số 245/TB-SNNMT ngày 29/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và phụ lục kèm theo.

2. Giá khởi điểm: Cụ thể tại theo Thông báo số 245/TB-SNNMT ngày 29/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và phụ lục kèm theo.

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá Hợp danh Hòa Thuận. Địa chỉ: Số 39 Lý Thường Kiệt, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng. Tổng số điểm: 95,3 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM**

TT	NỘI DUNG	Công ty Đấu giá Hợp danh Hòa Thuận	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thành phố Đà Nẵng
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>		
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>	<b>19,0</b>
<b>1</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>	<b>10,0</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0
<b>2</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0

2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0	3,0
3	<b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b> <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	2,0	2,0
4	<b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>	1,0	1,0
5	<b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</b>	<b>16,0</b>	<b>16,0</b>
1	<b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>	4,0	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
2	<b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>	4,0	4,0
3	<b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4	<b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>	4,0	4,0
<b>IV</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>52,3</b>	<b>55,0</b>
1	<b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b>	15,0	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>		
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>		
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>		
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0	15,0
2	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b>	7,0	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>		
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>		
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>		
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0	7,0
3	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b>	7,0	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>		
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>		
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>		
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0	7,0
4	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b>	1,3	3,0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu</i>		3,0

	giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm		
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y	1,3	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y		
5	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b>	5,0	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên		7,0
6	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	4,0	3,0
6.1	01 đấu giá viên		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên		3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	
7	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b>	4,0	4,0
7.1	Dưới 05 năm		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm		
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0
8	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b>	4,0	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		
9	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính</b>	5,0	5,0

	<i><b>và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b></i>		
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>		
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>		
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0	5,0
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>8,0</b>	<b>2,0</b>
<b>1</b>	<b>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</b>	<b>3,0</b>	
1.1	<i>Đã tổ chức đấu giá thành cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản dưới 10 hợp đồng.</i>		
1.2	<i>Đã tổ chức đấu giá thành cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ 10 đến dưới 20 hợp đồng.</i>		
1.3	<i>Đã tổ chức đấu giá thành cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ 20 đến dưới 30 hợp đồng.</i>		
1.4	<i>Đã tổ chức đấu giá thành cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ 30 hợp đồng trở lên.</i>	3,0	
<b>2</b>	<b>Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền khai thác khoáng sản với các cơ quan nhà nước thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Quảng Nam (cũ) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.</b>	<b>3,0</b>	
<b>3</b>	<b>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi thành phố Đà Nẵng, không bao gồm trụ sở chi nhánh.</b>	<b>2,0</b>	<b>2,0</b>
<b>Tổng số điểm</b>		<b>95,3</b>	<b>92</b>

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố (Báo cáo);
- GD, các PGD Sở NN&MT (Theo dõi);
- Các Sở: TP, TC, XD, CT;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Thuế thành phố Đà Nẵng;
- UBND các xã: Trà Liên, Trà My, Điện Bàn Tây, Quế Phước, Sơn Cẩm Hà, Chiên Đàn, Quế Sơn Trung, Xuân Phú, Sông Vang, Đại Lộc, Hiệp Đức;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia  
<https://dgts.moj.gov.vn> (Để đăng tải);
- Công thông tin điện tử thành phố (Để đăng tải);
- Trung tâm Quản lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường (Để đăng tải);
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thành phố Đà Nẵng (Để biết);
- Công ty Đấu giá Hợp danh Hòa Thuận (Để biết);
- Phòng KHTC (Phối hợp);
- Văn phòng Sở (Đăng tải);
- Lưu: VT, KS (Vũ).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hồng An**

**Phụ lục**  
**Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại 14 khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**  
*(Kèm theo Thông báo số ...../TB-SNNMT ngày ...../5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng)*

TT	TT	Tên khu vực khoáng sản	Diện tích (ha)	Tài nguyên, khối lượng dự báo (m <sup>3</sup> , kg)	Giá khởi điểm (R)	Bước giá
<b>I</b>		<b>CÁT, SỎI</b>				
1	1	Mỏ cát, sỏi ký hiệu BTM12 thuộc sông Trót, thôn 1, xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Trà Kót, huyện Bắc Trà My)	2,0284	56.572	5%	0,5%
2	2	Mỏ cát, sỏi ký hiệu BTM9 thuộc sông Trạm, thôn Thanh Trước, xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Trà Đông, huyện Bắc Trà My)	1,5315	66.720	5%	0,5%
3	3	Mỏ cát, sỏi ký hiệu KV5-BTM1B4 thuộc thôn Tân Hiệp, xã Trà My, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Trà Sơn, huyện Bắc Trà My)	0,535	10.702	5%	0,5%
4	4	Mỏ cát ký hiệu ĐB2B, xã Điện Bàn Tây, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn)	6,0	159.900	5%	0,5%
5	5	Mỏ cát, sỏi Bãi Tý Bồi, thôn Tứ Trung, xã Quế Phước, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Quế Lâm, huyện Quế Sơn)	12,23	344.300	5%	0,5%
<b>II</b>		<b>ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP</b>				
6	6	Mỏ đất TP-BS08 Đồi Dương Chùa, thôn Trung An, xã Sơn Cẩm Hà, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước)	2,15	200.000	3%	0,3%
7	7	Mỏ đất PN-BS03, Dương Ông Hòe, xã Chiên Đàn, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh)	1,6	80.000	3%	0,3%
8	8	Mỏ đất PN-BS06, núi Hòn Dền, xã Chiên Đàn, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh)	3,92	400.000	3%	0,3%
9	9	Mỏ đất QS163, thôn Phước Chánh, Quế Sơn Trung, thành phố Đà Nẵng	8,5118	851.000	3%	0,3%

		(Trước đây là xã Quế Mỹ, huyện Quế Sơn)				
10	10	Mỏ đất QS-BS05 xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Quế Phú, huyện Quế Sơn)	1,985	80.000	3%	0,3%
<b>III</b>		<b>ĐẤT SÉT LÀM GẠCH NGÓI</b>				
11	11	Mỏ đất sét ĐG-BS07 thôn Đha Mi, xã Sông Vàng, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Ba, huyện Đông Giang)	40,28	2.000.000	5%	0,5%
12	12	Mỏ sét gạch ngói có ký hiệu DG2B, xã Sông Vàng, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Ba, huyện Đông Giang)	18,57	600.000	5%	0,5%
<b>IV</b>		<b>ĐÁ ỐP LÁT</b>				
13	13	Đá granit Núi Ong thuộc xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng (Trước đây thuộc xã Đại Nghĩa và xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam)	96	7.200.000	1%	0,1%
<b>V</b>		<b>VÀNG GỐC</b>				
14	14	Mỏ vàng G60 Tổ Huy, xã Hiệp Đức, thành phố Đà Nẵng (Trước đây là xã Hiệp Hòa (sau là xã Quế Tân), huyện Hiệp Đức)	14,81	116,8 kg Au	2%	0,2%